

Bản án số: 263/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25- 4- 2024

V/v tranh chấp “Hôn nhân gia đình

Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Phùng

2. Ông Nguyễn Văn Ngân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:** Ông Lưu Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 84/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024, về tranh chấp “Hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133A/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024 giữa:

1. **Nguyên đơn:** ông Trần Văn Đ, sinh năm 1985 (xin vắng mặt).

Nơi cư trú: tổ A, ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang.

2. **Bị đơn:** bà Trần Thị N, sinh năm 1984 (xin vắng mặt).

Nơi cư trú: tổ I, ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/02/2024, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị N thống nhất trình bày:

Sau thời gian tìm hiểu về tình cảm, ông bà N được gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2005, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, về sau thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mỗi người sống mỗi nơi, không ai quan tâm ai, vợ chồng chính thức ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên ông Đ yêu cầu ly hôn, bà N đồng ý.

Về con chung: ông, bà có 01 con chung tên Trần Quốc C, sinh ngày 30/7/2008 hiện đang sống với bà N; nay ông Đ đồng ý giao cho bà N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; ông Đ không phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: ông Đ, bà N chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên pháp luật không công nhận anh chị là vợ chồng. Về con chung: ông Đ bà N thống nhất giao cho bà N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Quốc C, sinh ngày 30/7/2008; ông Đ không phải cấp dưỡng cho con nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: ông Trần Văn Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Trần Thị N nên xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp về hôn nhân, gia đình – Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: bà Trần Thị N là bị đơn có nơi cư trú tại ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Ông Đ, bà N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông bà theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: ông Đ và bà N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2005, có tổ chức lễ cưới nhưng đến nay không đăng ký kết hôn (được Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh An Giang xác nhận từ năm 2005 đến nay ông Đ bà N chưa thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại địa phương) theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao - Viện kiểm sát nhân dân Tối cao - Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hôn nhân gia đình nên pháp luật không công nhận ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị N là vợ chồng.

Về con chung: ông, bà có 01 con chung tên Trần Quốc C, sinh ngày 30/7/2008, hiện đang sống với bà N. Ông Đ thống nhất cho bà N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, từ khi ly thân đến nay cháu C do bà N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, đảm bảo cháu phát triển bình thường về thể chất, tinh thần nên căn cứ quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 giao con chung cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi thành niên hoặc tự lập được. Ông Đ k phải cấp dưỡng cho con.

Bà N phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi ông Đ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Mặt khác, nếu có căn cứ cho rằng, bà N không còn đảm bảo các điều kiện nuôi dạy con hoặc có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con thì ông Đ có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ghi nhận lời trình bày của đương sự không nợ chung ai. Tuy nhiên, sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì ông Đ, bà N phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Ngoài ra, các bên không tranh chấp về vấn đề gì khác.

[3] Về án phí: Ông Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Bà N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 14, Điều 81; Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26; khoản 5, khoản 6 Điều 27 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn Đ.

- Về hôn nhân: Không công nhận ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị N là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cho bà Trần Thị N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Quốc C, sinh ngày 30/7/2008 đến thành niên hoặc tự lập được.

Ông Trần Văn Đ không phải cấp dưỡng cho con

- Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn Đ phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0006633 ngày 19/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang (đã nộp đủ).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- UBND xã Phú Hưng huyện Phú Tân, tỉnh An Giang;
- UBND xã An Bình, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Bích Tuyên